

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT



1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên gói thầu: Bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị phòng thí nghiệm của Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1.
- Chủ đầu tư: Công ty Nhiệt điện Mông Dương
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu qua mạng.
- Giá gói thầu: 193.725.000 (Đã bao gồm thuế GTGT là 5%). Để có cơ sở đánh giá giá dự thầu của các Nhà thầu trên cùng một mặt bằng về thuế GTGT, đề nghị Nhà thầu chào thuế GTGT là 5%. Nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) trong quá trình thực hiện hợp đồng thì sẽ điều chỉnh tương ứng;
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Phạm vi công việc: Bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị phòng thí nghiệm của Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh.

Để đảm bảo tiến độ và chất lượng cho công việc trên, Công ty Nhiệt điện Mông Dương tiến hành đấu thầu gói thầu: Bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị phòng thí nghiệm của Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 nhằm mục đích chọn lựa được nhà thầu có năng lực, uy tín, chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

2. Mục tiêu công việc: Phạm vi công việc

Nhà thầu sẽ cung cấp dịch vụ theo khối lượng ở bảng dưới đây:

Bảng 1: Phạm vi thực hiện công việc

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị
1	Bảo dưỡng bom nhiệt trị, kiểu 6400EF, hãng sản xuất PARR, mã số TB06-3	Bảo dưỡng thiết bị	1	lần
2	Hiệu chuẩn Máy đo pH, kiểu WTW pH 3210, Hãng WTW, mã số TB01-01	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
3	Hiệu chuẩn Máy đo quang phổ kế, kiểu DR6000, Hãng Hach, mã số TB02-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần




TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị
4	Hiệu chuẩn Máy đo quang phổ kế, kiểu DR6000, Hãng Hach, mã số TB02-2	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
5	Hiệu chuẩn Máy đo độ dẫn điện, kiểu Cond 7310, Hãng WTW, mã số TB03-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
6	Hiệu chuẩn Tủ sấy, kiểu J-NDS1, Hãng Jisico, mã số TB04-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
7	Hiệu chuẩn Tủ sấy, kiểu J-300S, Hãng Jisico, mã số TB04-2	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
8	Hiệu chuẩn Lò nung, kiểu LT 15/11/B410, Hãng Nabertherm, mã số TB05-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
9	Hiệu chuẩn Lò nung, kiểu J-FM-6, Hãng Jisico, mã số TB05-2	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
10	Hiệu chuẩn Bom nhiệt trị, kiểu 6400EF, hãng sản xuất Parr, mã số TB06-3	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
11	Hiệu chuẩn Cân phân tích, kiểu AV264C, hãng sản xuất Ohaus, mã số TB07-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
12	Hiệu chuẩn Cân phân tích, kiểu AV264C, hãng sản xuất Ohaus, mã số TB07-2	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
13	Hiệu chuẩn Máy đo độ nhớt, kiểu K23792, hãng sản xuất Koehler, mã số TB09-01	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
14	Hiệu chuẩn Máy đo điểm chớp cháy kín, kiểu APM-8/ACO-8, hãng sản xuất Tanaka, mã số TB10-01	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
15	Hiệu chuẩn Máy đo hàm lượng nước, kiểu MKC-610-DT, hãng sản xuất Kem, mã số TB11-01	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
16	Hiệu chuẩn Máy đo tỉ trọng, kiểu DA-645B, hãng sản xuất Kem, mã số TB13-01	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
17	Hiệu chuẩn Máy đo hàm lượng axit, bazơ, kiểu 905 Titrando, hãng sản xuất Metrohm, mã số TB14-01	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
18	Hiệu chuẩn Máy đếm hạt trong dầu, kiểu SA-1000-2 U, hãng sản xuất setaAnalytics, mã số TB15-01	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
19	Hiệu chuẩn Cân 2 số, kiểu PAG2102C, hãng sản xuất Ohaus, mã số TB17-01	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
20	Hiệu chuẩn Tủ lạnh, kiểu J-CC1, hãng sản xuất JISICO, mã số TB18-01	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
21	Hiệu chuẩn Nhiệt ẩm kế, kiểu HTC-2, hãng sản xuất Clock/Humidity, mã số TB19-01	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
22	Hiệu chuẩn Nhiệt ẩm kế, kiểu HTC-2, hãng sản xuất Clock/Humidity, mã số TB19-02	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần

(Handwritten signatures)

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị
23	Hiệu chuẩn Thiết bị gia nhiệt Hach DRB200, kiểu DRB200, hãng sản xuất Hach, mã số TB34-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
24	Hiệu chuẩn Nhiệt kế (36,6-39,4), kiểu ASTM 28C-86/IP 31C, Made in Germany, mã số VT01-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
25	Hiệu chuẩn Nhiệt kế (36,6-39,4), kiểu ASTM 28C-86/IP 31C, Made in Germany, mã số VT01-2	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
26	Hiệu chuẩn Nhiệt kế (38,6-41,1), kiểu ASTM 120C-86, hãng sản xuất AMA, mã số VT01-3	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
27	Hiệu chuẩn Nhiệt kế (89,6-101,4), kiểu ASTM 121C-86, hãng sản xuất AMA, mã số VT01-5	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
28	Hiệu chuẩn Quả cân (1g), kiểu F1, hãng sản xuất N/A, mã số VT02-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
29	Hiệu chuẩn Quả cân (100g), kiểu F1, hãng sản xuất N/A, mã số VT02-2	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
30	Hiệu chuẩn Quả cân (500g), kiểu F1, hãng sản xuất N/A, mã số VT02-3	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
31	Hiệu chuẩn Nhớt kế, kiểu Size 200, 8237, hãng sản xuất Koehler, mã số VT03-2	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
32	Hiệu chuẩn Nhớt kế, kiểu Size 300, 7393, hãng sản xuất Koehler, mã số VT03-3	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
33	Hiệu chuẩn Nhớt kế, kiểu Size 100, 121D, hãng sản xuất Cannon, mã số VT03-4	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
34	Hiệu chuẩn Nhớt kế, kiểu Size 200, 538B, hãng sản xuất Cannon, mã số VT03-5	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
35	Hiệu chuẩn Nhớt kế, kiểu Size 300, N843, hãng sản xuất Cannon, mã số VT03-6	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
36	Hiệu chuẩn Buret, 25ml, hãng sản xuất Kyung-in, mã số VT04-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
37	Hiệu chuẩn Buret, 25ml, hãng sản xuất OMG, mã số VT04-2	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
38	Hiệu chuẩn Buret, 10ml, sản xuất Germany, mã số VT04-3	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
39	Hiệu chuẩn Bộ tỷ trọng kế, Thang tỷ trọng: 1.060-1.120 g/ml; 1.120-1.180 g/ml; 1.180-1.280 g/ml; 1.360-1.420 g/ml; 1.420-1.480 g/ml; 1.480-1.540 g/ml; Khoảng chia 0.002; Dài 165mm, Made in Korea, mã số VT05-01	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị
40	Hiệu chuẩn Máy đo hàm lượng Clo trong nước Hach Pocket Clorimeter II, kiểu Pocket Clorimeter (Cat.No. 58700-00), mã số TB36-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
41	Hiệu chuẩn Máy đo hàm lượng dầu trong nước OCMA-300-E, mã số TB35-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần
42	Hiệu chuẩn Thiết bị gia nhiệt Hach DRB200, mã số TB34-1	Hiệu chuẩn thiết bị	1	lần

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Yêu cầu đối với dịch vụ:

* Đối với dịch vụ Bảo dưỡng thiết bị:

- Nhà thầu bảo dưỡng thiết bị bơm nhiệt trị, kiểu 6400EF, hãng sản xuất PARR, mã số TB06-3.
- Sử dụng các chất chuẩn để kiểm tra thiết bị đảm bảo sai số cho phép theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất thiết bị.
- Thay thế các linh kiện, vật tư chính hãng theo kết quả kiểm tra thực tế.
- Chất chuẩn phải đảm bảo phù hợp với thiết bị phân tích đang sử dụng tại nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 và còn hạn sử dụng.
- Lập báo cáo kết quả thực hiện công việc.

* Đối với dịch vụ Hiệu chuẩn thiết bị

- Nhà thầu thực hiện kiểm tra, hiệu chuẩn các thiết bị theo danh sách tại bảng phạm vi công việc.
- Sử dụng dung dịch, chất chuẩn để kiểm tra, đối chứng và hiệu chuẩn thiết bị. Dung dịch chuẩn, chất chuẩn phải đảm bảo phù hợp với thiết bị phân tích đang sử dụng tại nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 và còn hạn sử dụng.
- Các thiết bị đo, phục vụ cho việc hiệu chuẩn phải được kiểm định của đơn vị có chức năng.
- Lập báo cáo chi tiết kết quả thực hiện công việc.
- Cấp giấy chứng nhận hiệu chuẩn và dán tem cho các thiết bị.
- Trong trường hợp thiết bị nào không đạt yêu cầu để hiệu chuẩn thì Nhà thầu phải thực hiện việc hiệu chỉnh lại để thực hiện hiệu chuẩn thiết bị.

3.2. Tài liệu chứng minh khả năng thực hiện dịch vụ hiệu chuẩn

Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu hợp pháp, hợp lệ chứng minh có đủ chức năng và năng lực thực hiện dịch vụ hiệu chuẩn thiết bị phòng thí nghiệm

 

theo yêu cầu của E-HSMT (Trường hợp nhà thầu có sử dụng Nhà thầu phụ/ Nhà thầu phụ đặc biệt, Nhà thầu phải kê khai danh sách Nhà thầu phụ/ Nhà thầu phụ đặc biệt đính kèm E-HSDT và các tài liệu chứng minh năng lực đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT), các tài liệu này phải còn hiệu lực và phù hợp với quy định của pháp luật.

3.3. Kế hoạch thực hiện và tiến độ cung cấp dịch vụ

- Nhà thầu phải đệ trình kế hoạch chi tiết có tiến độ thực hiện các phạm vi công việc, khả năng huy động nhân lực, máy móc thiết bị để thực hiện phạm vi công việc của gói thầu đảm bảo theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Thời gian thực hiện dịch vụ: ≤ 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Tùy thuộc vào tình hình SXKD ; tình hình sử dụng máy móc thiết bị của Nhà máy, Công ty nhiệt điện Mông Dương có thể điều chỉnh tiến độ thực hiện dịch vụ cho phù hợp và sẽ thông báo cho Nhà thầu về tiến độ điều chỉnh (nếu có).

- Nhà thầu thực hiện công việc tại Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Khu 8, phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh.

3.4. Yêu cầu về an toàn vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ

- Trong quá trình thực hiện công việc bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị phòng thí nghiệm, Nhà thầu phải bố trí đầy đủ các trang bị an toàn, có giải pháp phòng chống cháy nổ, cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, không làm ảnh hưởng đến máy móc thiết bị, con người và sản xuất của Công ty Nhiệt điện Mông Dương.

- Trước khi Nhà thầu vào thi công phải gửi danh sách công nhân cho Công ty trước 3 ngày làm việc để Công ty bố trí học an toàn và cấp thẻ để vào thi công trong Nhà máy;

- Tuyệt đối không được tự ý đấu nối vào nguồn điện và chỉ được đấu nối và sử dụng nguồn điện trong nhà máy khi được sự cho phép của người có thẩm quyền.

- Trường hợp Nhà thầu gây hư hỏng trang thiết bị, cơ sở vật chất hoặc gây tai nạn dẫn đến thiệt hại về người/ tài sản thì Nhà thầu phải chịu mọi trách nhiệm bồi thường, khắc phục thiệt hại và làm việc/ giải trình với các cơ quan hữu quan (nếu có)

- Nhà thầu phải có biện pháp đảm bảo, cam kết thực hiện, chịu trách nhiệm đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường. Công việc thu dọn và làm sạch hiện trường phải được thực hiện ngay sau khi hoàn tất công việc. Nhà thầu phải vệ sinh sạch

sẽ, dọn dẹp tất cả các vật tư, thiết bị ra khỏi khu vực làm việc để trả lại mặt bằng như ban đầu

3.5. Yêu cầu đối với nhà thầu phụ/ nhà thầu phụ đặc biệt

Trong trường hợp nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ/ nhà thầu phụ đặc biệt để thực hiện một số nội dung công việc trong gói thầu, yêu cầu nhà thầu đáp ứng các nội dung sau:

- Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và nhà thầu phụ đặc biệt: tối đa 30% giá trị công việc của gói thầu
- Năng lực của nhà thầu phụ/ nhà thầu phụ đặc biệt: phải cung cấp tài liệu chứng minh có đủ chức năng thực hiện công việc được đảm nhiệm trong gói thầu.

3.6 Thời hạn bảo hành của dịch vụ

- Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành miễn phí tất cả các mục dịch vụ tại Bảng 1. Phạm vi thực hiện công việc - Chương V. Yêu cầu kỹ thuật, thời gian bảo hành 6 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, Chủ đầu tư buộc phải sửa chữa, xử lý thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

- Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư gửi văn bản yêu cầu Nhà thầu theo trách nhiệm bảo hành mà Nhà thầu không tới thực hiện thì Chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện hoặc thuê bên thứ ba thực hiện khi đó mọi trách nhiệm và chi phí có liên quan do Nhà thầu chịu.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong thời hạn bảo hành: Nhà thầu phải sẵn sàng có mặt tại hiện trường trong vòng 24 giờ để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến kỹ thuật trong thời gian bảo hành. Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành (05 ngày kể từ khi Chủ đầu tư yêu cầu bảo hành), Chủ đầu tư buộc phải xử lý thì nhà thầu phải chịu mọi chi phí thay thế đó.

3.7 Bảo mật thông tin

Nhà thầu phải cam kết bảo mật thông tin trong quá trình thực hiện hợp đồng tại Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1.

3.8 Các yêu cầu về sao lưu tài liệu

Nhà thầu phải cam kết gửi file mềm (bản scan) hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán cho chủ đầu tư sau khi hoàn thiện hồ sơ.



3.9 Cam kết của Nhà thầu

- Nhà thầu cam kết toàn bộ hồ sơ, tài liệu, vật tư, máy móc và thiết bị sử dụng để thực hiện gói thầu đều hợp pháp, hợp lệ và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

- Nhà thầu có cam kết cung cấp các loại dung dịch, hóa chất, vật tư hiệu chuẩn, máy móc thiết bị chuyên dùng để thực hiện công việc bảo dưỡng và hiệu chuẩn thiết bị;

- Nhà thầu có cam kết đảm bảo các thiết bị thí nghiệm của Nhà máy vận hành ổn định sau khi bảo dưỡng và hiệu chuẩn;

- Trong trường hợp xảy ra sự cố (do lỗi của Nhà thầu) dẫn đến sự hoạt động không bình thường của các thiết bị thí nghiệm của Nhà máy thì nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục và phải bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất, giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện các nội dung quy định tại Chương V – yêu cầu kỹ thuật, gồm các phần như sau:

- Phương án, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ chi tiết thực hiện công tác hiệu chuẩn các thiết bị phòng thí nghiệm theo yêu cầu của E-HSMT.

- Phương án, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ chi tiết thực hiện công tác bảo dưỡng các thiết bị phòng thí nghiệm theo yêu cầu của E-HSMT.

- Trình bày cụ thể các máy móc thiết bị, vật tư phục vụ công tác hiệu chuẩn, bảo dưỡng các thiết bị và khả năng huy động của máy móc thiết bị thực hiện các nội dung công việc theo yêu cầu của E-HSMT.

- Giải pháp, biện pháp xử lý các vấn đề về an toàn, môi trường, phòng chống cháy nổ và các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

5. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

Sau khi thực hiện xong công tác, Công ty Nhiệt điện Mông Dương sẽ tiến hành kiểm tra các thiết bị bằng các dụng cụ, thiết bị, chất chuẩn để xác định độ chính xác của kết quả phân tích để nghiệm thu thiết bị. Trong trường hợp thiết bị nào không đạt yêu cầu để hiệu chuẩn thì Nhà thầu phải thực hiện việc hiệu chỉnh lại để thực hiện hiệu chuẩn thiết bị. Sau khi hoàn thành dịch vụ, Nhà thầu phải có

cam kết chịu trách nhiệm về kết quả và cung cấp giấy chứng nhận hiệu chuẩn cho mỗi thiết bị đã thực hiện.



ĐD

nh